

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định Định mức kinh tế - kỹ thuật
vận hành Hệ thống thu gom rác tự động trên sông Cần Thơ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14;

Căn cứ Luật Giá số 16/2023/QH15;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 16/2021/TT-BTNMT ngày 27 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 3683/TTr-SNNMT ngày 31 tháng 3 năm 2026;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định Định mức kinh tế - kỹ thuật vận hành Hệ thống thu gom rác tự động trên sông Cần Thơ.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định này quy định Định mức kinh tế - kỹ thuật của dịch vụ vận hành Hệ thống thu gom rác tự động trên sông Cần Thơ.

2. Các công tác khác không quy định tại Quyết định này thì thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác vận hành Hệ thống thu gom rác tự động trên sông Cần Thơ.

Điều 3. Quy định định mức kinh tế - kỹ thuật

Định mức kinh tế - kỹ thuật quy định các mức hao phí trực tiếp trong vận hành, bảo dưỡng Hệ thống thu gom rác tự động trên sông Cần Thơ được quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Quyết định có hiệu lực từ ngày 20 tháng 4 năm 2026.
2. Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm theo dõi, cập nhật việc triển khai các quy trình, định mức được ban hành kèm Quyết định này. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc cần phải sửa đổi hoặc điều chỉnh cho phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành, với điều kiện thực tế quản lý hoặc có thay đổi công nghệ thi công, Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định.
3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Sở Xây dựng; Giám đốc Sở Nội vụ; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường; các đơn vị cung ứng dịch vụ vệ sinh môi trường và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như khoản 3 Điều 4;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Bộ Xây dựng;
- Vụ Pháp chế -Bộ NN&MT;
- Văn phòng Chính phủ (HN-TP. HCM);
- Cục KTVB và QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- TT. Thành ủy;
- TT. HĐND thành phố;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội thành phố;
- TT. UBMTTQVN và các Đoàn thể TP;
- CT, các PCT UBND thành phố;
- Công TT điện tử thành phố;
- Công báo thành phố;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Cần Thơ;
- VP UBND TP (2H);
- Lưu: VT.vk

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Chí Hùng

Phụ lục

QUY ĐỊNH ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT VẬN HÀNH HỆ THỐNG THU GOM RÁC TỰ ĐỘNG TRÊN SÔNG CẦN THƠ

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND ngày..... tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)

Phần I

THUYẾT MINH VÀ QUY ĐỊNH ÁP DỤNG ĐỊNH MỨC

1. Nội dung định mức

Định mức kinh tế - kỹ thuật vận hành Hệ thống thu gom rác tự động trên sông Cần Thơ gồm các hao phí cần thiết về vật liệu, nhân công và một số phương tiện máy, thiết bị để hoàn thành một đơn vị khối lượng công tác, trong đó:

1.1. Mức hao phí vật liệu: Là mức hao phí về số lượng vật liệu chính cần thiết để thực hiện và hoàn thành khối lượng công tác tính theo một đơn vị phù hợp. Mức hao phí vật liệu khác (nếu có) được quy định bằng tỷ lệ % trên giá trị của vật liệu chính.

1.2. Mức hao phí nhân công: Là mức hao phí về ngày công lao động của kỹ sư, công nhân trực tiếp để thực hiện một đơn vị khối lượng công tác, bao gồm cả công nhân phục vụ, phụ trợ (*vận chuyển vật liệu, chuẩn bị dụng cụ, đảm bảo giao thông, dọn dẹp hiện trường sau thi công*).

Số lượng ngày công bao gồm cả công lao động chính, lao động phục vụ, phụ trợ cho tất cả các hạng mục công tác từ khâu chuẩn bị, thực hiện công việc chính, thu dọn hiện trường, vệ sinh cá nhân ... và được tính bằng ngày công của kỹ sư, bậc thợ bình quân của công nhân.

1.3. Mức hao phí ca máy thi công: Là mức hao phí số ca sử dụng máy thi công trực tiếp phục vụ công tác chính và thời gian chờ được quy đổi.

2. Kết cấu của tập định mức

Bộ định mức này được trình bày gồm 2 thành phần:

2.1. Phần thứ nhất: Thuyết minh định mức.

2.2. Phần thứ hai: Danh mục và định mức chi tiết.

- Vận hành hệ thống;
- Trục bảo vệ hệ thống;
- Tháo, lắp và vận chuyển các thùng rác từ hệ thống vào bờ;
- Bốc dỡ các túi rác, đưa rác lên xe và vận chuyển về trạm trung chuyển;
- Bảo dưỡng thường xuyên hệ thống;

- Lai dất hệ thống trên sông.

Định mức được trình bày theo nhóm, loại công tác và được mã hóa.

Mỗi định mức được trình bày gồm: thành phần công việc, điều kiện kỹ thuật, điều kiện và biện pháp thi công, điều kiện áp dụng các trị số mức và đơn vị tính phù hợp để thực hiện công việc đó.

2.3. Phần thứ ba: Quy trình kỹ thuật vận hành và bảo dưỡng Hệ thống.

3. Hướng dẫn áp dụng định mức

Định mức được áp dụng để lập dự toán và quản lý chi phí dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải trên sông Cấn Thơ bằng hệ thống thu gom rác tự động.

3.1. Các chỉ dẫn, quy định áp dụng và các hệ số điều chỉnh được quy định chi tiết trong từng mã hiệu định mức.

3.2. Công cụ, dụng cụ lao động không tính hao phí trong định mức vì thuộc thành phần chi phí chung trong cơ cấu dự toán.

3.3. Trong định mức này chưa bao gồm phần tăng thêm chi phí nhân công (*theo Điều 98 Bộ luật Lao động số 45/2019/QH14 và các quy định pháp luật hiện hành*) trong trường hợp yêu cầu phải thực hiện các công việc vào ban đêm; các trang bị an toàn cho công nhân, các máy móc thiết bị phục vụ cho việc làm đêm, được tính riêng khi lập dự toán.

3.4. Trong những năm tiếp theo khi có điều kiện đầu tư các trang thiết bị hiện đại, quy trình công nghệ thi công thay đổi thì định mức được nghiên cứu điều chỉnh cho phù hợp.

3.5. Quá trình sử dụng định mức, nếu công việc có trong định mức nhưng thực tế không làm thì không đưa vào dự toán, nếu công việc không có trong định mức nhưng thực tế phải làm thì vận dụng các định mức tương tự để lập dự toán bổ sung.

3.6. Ngoài những định mức đã được quy định tại Thông tư số 36/2024/TT-BTNMT ngày 20/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, những nội dung công việc chưa được quy định trong bộ định mức này thì hao phí được xác định bằng dự toán phù hợp với yêu cầu, nội dung thực hiện các công việc đó trình cấp thẩm quyền phê duyệt.

Phần II

DANH MỤC VÀ ĐỊNH MỨC CHI TIẾT

Stt	Mã hiệu	Tên công tác	Đơn vị tính	Ghi chú
1	MTC.01.01	Vận hành hệ thống	01 ca	
2	MTC.01.02	Trực bảo vệ hệ thống	01 ca	

Stt	Mã hiệu	Tên công tác	Đơn vị tính	Ghi chú
3	MTC.01.03	Tháo, lắp và vận chuyển các thùng rác từ hệ thống vào bờ	01 lần	
4	MTC.01.04	Bốc dỡ các túi rác, đưa rác lên xe và vận chuyển về trạm trung chuyển	01 lần	
5	MTC.01.05	Bảo dưỡng thường xuyên hệ thống	01 lần	
6	MTC.01.06	Lai dặt hệ thống trên sông	01 lần	

1. MTC.01.01 - Vận hành hệ thống

Thành phần công việc gồm:

- Công tác chuẩn bị: Di chuyển từ trong bờ ra vị trí hệ thống neo đậu; Chuẩn bị dụng cụ bảo hộ lao động; Nhận bàn giao từ ca làm việc trước đó;
- Kiểm tra thường xuyên hệ thống điều khiển trên hệ thống (*thiết bị điều khiển, pin mặt trời, lưới chắn rác, băng tải, cân, thiết bị truyền dữ liệu trực tuyến...*);
- Vận hành hệ thống trong ca làm việc; Công nhân phụ trợ loại bỏ các loại rác thải công kênh tại miệng thu;
- Kết thúc công việc, thu dọn hiện trường. Quét dọn chất thải rơi vãi ra sàn của thiết bị, khu vực thùng tiếp nhận chất thải;
- Ghi nhật ký vận hành; Bàn giao cho ca làm việc tiếp theo hoặc cho nhân viên bảo vệ;
- Di chuyển trở vào bờ.

Bảng 1. Hao phí nhân công vận hành hệ thống

Đơn vị tính: công/ca

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
MTC.01.01	Nhân công		
	- Kỹ sư bậc 3,0/8	công	1.000
	- Bậc thợ bình quân 4,0/7	công	1.000

2. MTC.01.02 - Trục bảo vệ hệ thống

Thành phần công việc gồm:

- Công tác chuẩn bị: Di chuyển từ trong bờ ra vị trí hệ thống neo đậu; Chuẩn bị dụng cụ bảo hộ lao động; Nhận bàn giao từ ca làm việc trước đó;
- Ghi nhật ký vận hành; Bàn giao cho ca làm việc tiếp theo;
- Di chuyển trở vào bờ.

Bảng 2. Hao phí nhân công trực bảo vệ hệ thống*Đơn vị tính: công/ca*

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
MTC.01.02	Nhân công		
	- Nhân viên bảo vệ bậc 2,5/5	công	1.000

3. MTC.01.03 - Tháo, lắp và vận chuyển các thùng rác từ hệ thống vào bờ

Thành phần công việc gồm:

- Công tác chuẩn bị: Di chuyển từ trong bờ ra vị trí hệ thống neo đậu; Chuẩn bị dụng cụ bảo hộ lao động;
- Cảnh giới, đảm bảo an toàn giao thông thủy;
- Nhân công phối hợp với tàu kéo tháo dỡ hệ nổi đặt 06 thùng rác ra khỏi hệ thống;
- Dùng tàu kéo công suất 150 CV kéo hệ nổi đặt 06 thùng rác vào bãi tập kết, cự ly ≤ 3 km;
- Sau khi dỡ tải, dùng tàu kéo công suất 150 CV kéo hệ nổi đặt 06 thùng rác ra vị trí hệ thống neo đậu;
- Nhân công phối hợp với tàu kéo lắp đặt hệ nổi đặt 06 thùng rác vào hệ thống;
- Di chuyển tàu kéo từ vị trí hệ thống neo đậu trở về vị trí tập kết, cự ly bình quân 5,0km;
- Kết thúc công việc, thu dọn hiện trường;
- Ghi nhật ký vận hành;
- Di chuyển trở vào bờ.

Bảng 3. Hao phí nhân công và ca máy tháo, lắp và vận chuyển các thùng rác từ hệ thống vào bờ*Đơn vị tính: 01 lần*

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
MTC.01.03	Nhân công		
	Bậc thợ bình quân 4,0/7	công	0,598
	Máy thi công		
	Tàu kéo công suất 150CV	ca	0,573

Ghi chú: Định mức này áp dụng cho cự ly vận chuyển ≤ 3 km, khi áp dụng cho cự ly vận chuyển xa hơn, cứ thêm mỗi km hao phí máy thi công được cộng thêm 0,063 ca.

4. MTC.01.04 - Bốc dỡ các túi rác, đưa rác lên xe và vận chuyển về trạm trung chuyển

Thành phần công việc gồm:

- Di chuyển thiết bị từ vị trí tập kết đến vị trí thi công, cự ly bình quân 5,0km;
- Chuẩn bị dụng cụ bảo hộ lao động;
- Phân luồng, cảnh giới, đảm bảo an toàn giao thông;
- Dùng cần trục ô tô, sức nâng 3,0 tấn chuyên từng túi rác trong các thùng chứa lên bãi xe ô tô tự đổ và lắp lại túi lưới vào các thùng chứa hoặc thay thế túi lưới (khi đến thời hạn thay thế);
- Chuyển rác về trạm trung chuyển, cự ly bình quân 5,0km;
- Di chuyển thiết bị từ vị trí tập kết đến vị trí thi công, cự ly bình quân 5,0km;
- Kết thúc công việc, thu dọn vệ sinh sạch hiện trường bằng máy bơm nước áp lực cao công suất 3VC.

Bảng 4. Hao phí nhân công và ca máy bốc dỡ các túi rác, đưa rác lên xe và vận chuyển về trạm trung chuyển

Đơn vị tính: 01 lần

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
MTC.01.04	Nhân công		
	Bạc thợ bình quân 4,0/7	công	2,322
	Máy thi công		
	Xe ô tô tải 5 tấn gắn cần trục	ca	0,440
	Xe ô tô tự đổ, tải trọng 5 tấn	ca	0,388
	Máy bơm nước áp lực cao, công suất 3CV	ca	0,052

5. MTC.01.05 - Bảo dưỡng thường xuyên hệ thống

Thành phần công việc gồm:

- Công tác chuẩn bị: Di chuyển từ trong bờ ra vị trí hệ thống neo đậu; Chuẩn bị dụng cụ bảo hộ lao động;
- Dùng máy thổi khí vệ sinh và kiểm tra tủ điện điều khiển hệ thống và thay thế linh kiện (nếu có);
- Dùng máy thổi khí vệ sinh và kiểm tra kỹ thuật định kỳ hệ thống điều khiển trên hệ thống (thiết bị điều khiển, pin mặt trời, lưới chắn rác, băng tải, cân, thiết bị truyền dữ liệu trực tuyến, motor...) và thay thế phụ tùng (nếu có);
- Vệ sinh tổng thể hệ thống bằng máy bơm nước áp lực cao công suất 3CV;

- Tra dầu mỡ vào các bộ phận cơ khí truyền động;
- Kết thúc công việc, thu dọn hiện trường;
- Ghi nhật ký bảo dưỡng;
- Di chuyển trở vào bờ.

Bảng 5. Hao phí nhân công bảo dưỡng thường xuyên hệ thống

Đơn vị tính: 01 lần

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
MTC.01.05	Nhân công		
	Kỹ sư bậc 4,0/8	công	1,475
	Bậc thợ bình quân 4,0/7	công	7,375
	Máy thi công		
	Máy thổi khí	ca	0,479
	Máy bơm nước áp lực cao, công suất 3CV	ca	0,855

Ghi chú: Định mức này không bao gồm hao phí dầu mỡ, linh kiện, phụ tùng thay thế.

6. MTC.01.06 - Lai dặt hệ thống trên sông

Thành phần công việc gồm:

- Công tác chuẩn bị: Di chuyển từ trong bờ ra vị trí hệ thống neo đậu; Chuẩn bị dụng cụ bảo hộ lao động;
- Tháo dỡ dàn phao chắn rác; cuộn neo;
- Di chuyển trở vào bờ;
- Dùng tàu kéo công suất 150CV lai dặt hệ thống đến ụ đà để thực hiện công tác kiểm định (hoặc vị trí neo đậu mới), cự ly ≤ 10 km;
- Neo đậu đúng vị trí quy định.

Bảng 6. Hao phí nhân công và ca máy lai dặt hệ thống trên sông

Đơn vị tính: 01 lần

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
MTC.01.06	Nhân công		
	Bậc thợ bình quân 4,0/7	công	0,942
	Máy thi công		
	Tàu kéo công suất 150CV	ca	0,476

Ghi chú: Định mức này áp dụng cho cự ly vận chuyển ≤ 10 km, khi áp dụng cho cự ly vận chuyển xa hơn, cứ thêm mỗi km hao phí máy thi công được cộng thêm 0,025 ca.

Phần III
QUY TRÌNH KỸ THUẬT VẬN HÀNH VÀ BẢO DƯỠNG
THƯỜNG XUYÊN HỆ THỐNG THU GOM RÁC TỰ ĐỘNG
TRÊN SÔNG CẦN THƠ

I. Quy trình 1: Vận hành hệ thống

Quy trình kỹ thuật vận hành hệ thống bao gồm các công việc như sau:

1. Công tác chuẩn bị

a) Bố trí người lao động vận hành hệ thống: Đưa người lao động đi từ bờ ra tới khu vực neo đậu hệ thống bằng tàu thuyền thích hợp;

b) Chuẩn bị dụng cụ bảo hộ lao động (*quần áo bảo hộ lao động, giày, ủng, mũ, kính, găng tay, khẩu trang, ...*); chôi, xẻng và các dụng cụ lao động cần thiết khác phục vụ công tác vớt rác trên sông;

c) Kiểm tra các túi lưới trong 06 thùng chứa chất thải;

d) Kiểm tra các máy móc, thiết bị vớt rác (*thiết bị điều khiển, pin mặt trời, lưới chắn rác, băng tải, cân, thiết bị truyền dữ liệu trực tuyến...*).

2. Tiếp nhận chất thải rắn vớt từ sông

a) Vớt rác trôi nổi trên sông do lưới chắn rác giữ lại và trôi theo dòng chảy vào miệng băng tải;

b) Băng tải vớt rác và vận chuyển tới thiết bị cân tự động, sau đó rơi xuống thùng chứa rác số 1;

c) Sau khi thùng chứa rác số 1 đầy, rác sẽ được băng tải chuyển lần lượt qua các thùng chứa rác số 2, 3, 4, 5, 6.

3. Kết thúc ca làm việc

a) Kiểm kê, kiểm tra, bàn giao máy móc, thiết bị, vật liệu, dụng cụ lao động cho ca tiếp theo;

b) Vệ sinh, tập kết phương tiện, dụng cụ lao động vào vị trí quy định;

c) Vệ sinh môi trường, máy móc thiết bị tại từng bộ phận khi hết ca làm việc;

d) Quét dọn chất thải rơi vãi ra sàn của thiết bị, khu vực thùng tiếp nhận chất thải;

đ) Thống kê, báo cáo các thông tin, số liệu vớt rác thải theo quy định;

e) Đưa công nhân ca mới tới thiết bị vớt rác và đón công nhân ca cũ vào bờ.

II. Quy trình 2: Tháo, lắp và vận chuyển các thùng rác từ hệ thống vào bờ

Quy trình kỹ thuật tháo, lắp và vận chuyển hệ nổi chứa 06 thùng chất thải từ nơi neo đậu hệ thống tới vị trí tập kết rác bao gồm các công việc như sau:

1. Công tác chuẩn bị

a) Bố trí người lao động điều khiển tàu kéo hệ nổi chứa 06 thùng đựng chất thải;

b) Chuẩn bị dụng cụ bảo hộ lao động (*quần, áo, giày, ủng, mũ, găng tay, khẩu trang, ...*), chôi, xẻng và các dụng cụ lao động cần thiết khác;

c) Kiểm tra tàu kéo công suất 150CV đáp ứng các yêu cầu về an toàn kỹ thuật, an toàn giao thông đường thủy nội địa và bảo vệ môi trường theo quy định.

2. Vận chuyển hệ nổi chứa 06 thùng chất thải từ điểm neo đậu hệ thống đến vị trí tập kết rác

a) Di chuyển tàu kéo từ bến đỗ đến điểm neo đậu hệ thống; dừng tàu kéo, phát tín hiệu dừng đỗ; đặt biển cảnh báo đảm bảo an toàn giao thông thủy;

b) Tháo dỡ hệ nổi chứa 06 thùng đựng chất thải ra khỏi hệ thống và liên kết với tàu kéo;

c) Di chuyển tàu kéo, lai dắt hệ nổi chứa 06 thùng đựng chất thải tới vị trí tập kết rác.

3. Kết thúc thời gian làm việc

a) Di chuyển tàu kéo, lai dắt hệ nổi chứa 06 thùng rỗng từ vị trí tập kết rác về nơi neo đậu hệ thống;

b) Lắp đặt hệ nổi chứa 06 thùng rỗng vào hệ thống; ký nhận biên bản hoàn thành vận chuyển chất thải rắn trên sông;

c) Di chuyển tàu kéo về bến đỗ.

III. Quy trình 3: Bốc dỡ các túi rác, đưa rác lên xe và vận chuyển về trạm trung chuyển

Quy trình bốc dỡ chất thải từ 06 thùng rác tại vị trí tập kết rác bao gồm các công việc như sau:

1. Công tác chuẩn bị

a) Bố trí người lao động điều khiển xe ô tô tải 5 tấn lắp cần trục, xe ô tô tự đổ tải trọng 5 tấn và lao động phụ trợ;

b) Chuẩn bị dụng cụ bảo hộ lao động (*quần, áo, giày, ủng, mũ, găng tay, khẩu trang, ...*) và các dụng cụ lao động cần thiết khác;

c) Kiểm tra xe ô tô tải lắp cần trục, xe ô tô tự đổ nhằm đáp ứng các yêu cầu về an toàn kỹ thuật, an toàn giao thông và bảo vệ môi trường theo quy định.

2. Bốc dỡ chất thải rắn chứa trong 06 thùng chất thải từ bến tập kết rác lên ô tô chở rác.

a) Di chuyển xe ô tô tải lắp cần trục, xe ô tô tự đổ từ điểm đỗ đến vị trí tập kết rác;

b) Dùng cần trục trên ô tô bốc dỡ các bao lưới chứa rác từ 06 thùng chứa rác, xả rác ra khỏi túi lưới lên thùng xe ô tô tự đổ, phủ bạt tránh rơi vãi rác trên đường vận chuyển;

c) Dùng xe ô tô tự đổ vận chuyển rác về trạm trung chuyển;

d) Ký nhận biên bản hoàn thành bốc dỡ chất thải rắn từ 06 thùng chứa lên xe tải.

3. Kết thúc thời gian làm việc

a) Di chuyển xe ô tô tải lắp cần trục từ vị trí tập kết rác về điểm đỗ;

b) Thu dọn, vệ sinh sạch hiện trường bằng máy bơm nước áp lực cao 3CV.

IV. Quy trình 4: Bảo dưỡng thường xuyên hệ thống

Quy trình bảo dưỡng thường xuyên hệ thống bao gồm các công việc như sau:

1. Công tác chuẩn bị

a) Bố trí người lao động bảo dưỡng hệ thống: Đưa người lao động đi từ bờ ra tới khu vực neo đậu hệ thống bằng tàu thuyền thích hợp;

b) Chuẩn bị dụng cụ bảo hộ lao động (*quần áo bảo hộ lao động, giày, ủng, mũ, kính, găng tay, khẩu trang, ...*) và các dụng cụ lao động cần thiết khác phục vụ công tác bảo dưỡng thiết bị.

2. Thực hiện công tác bảo dưỡng thường xuyên thiết bị

a) Dùng máy thổi khí vệ sinh và kiểm tra tủ điện điều khiển thiết bị Interceptor 003 và thay thế linh kiện (nếu có);

b) Dùng máy thổi khí vệ sinh và kiểm tra kỹ thuật định kỳ hệ thống điều khiển trên Hệ thống (thiết bị điều khiển, pin mặt trời, lưới chắn rác, băng tải, cân, thiết bị truyền dữ liệu trực tuyến, motor...) và thay thế phụ tùng (nếu có);

c) Vệ sinh tổng thể hệ thống bằng máy bơm nước áp lực cao, công suất 3CV;

d) Tra dầu mỡ vào các bộ phận cơ khí truyền động.

3. Kết thúc thời gian làm việc

a) Kết thúc công việc, thu dọn hiện trường, cất dụng cụ lao động vào vị trí quy định;

b) Ghi nhật ký bảo dưỡng;

c) Đưa công nhân vào bờ.

V. Quy trình 5: Lai dất hệ thống trên sông

Quy trình lai dất Hệ thống trên sông bao gồm các công việc như sau:

1. Công tác chuẩn bị

a) Bố trí người lao động hỗ trợ lai dất hệ thống: Đưa người lao động đi từ bờ ra tới khu vực neo đậu hệ thống bằng tàu thuyền thích hợp;

b) Chuẩn bị dụng cụ bảo hộ lao động (*quần áo bảo hộ lao động, giày, ủng, mũ, kính, găng tay, khẩu trang, ...*) và các dụng cụ lao động cần thiết khác phục vụ công tác thao tác kỹ thuật trên thiết bị.

c) Kiểm tra tàu kéo công suất 150CV đáp ứng các yêu cầu về an toàn kỹ thuật, an toàn giao thông đường thủy nội địa và bảo vệ môi trường theo quy định.

2. Thực hiện công tác lai dất thiết bị trên sông

a) Tháo dỡ dàn phao chắn rác; cuốn neo;

b) Dùng tàu kéo lai dất hệ thống đến ụ đà để thực hiện công tác kiểm định (hoặc vị trí neo đậu mới);

c) Neo đậu thiết bị đúng vị trí quy định.

3. Kết thúc thời gian làm việc

a) Đưa công nhân vào bờ;

b) Di chuyển tàu kéo về bến đỗ.